BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT
TỈNH TRÀ VINH

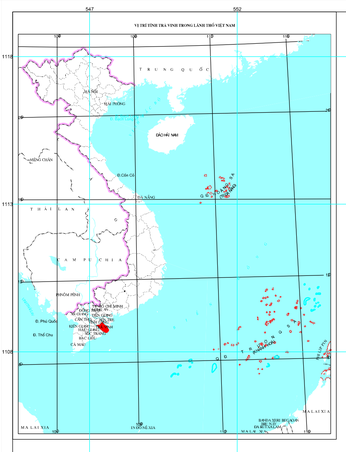

CHÚ DẪN

KÝ HIỆU	DIỄN GIẢI	KÝ HIỆU	DIỄN GIẢI	KÝ HIỆU	DIỄN GIẢI
I. ĐẤT NÔNG NGHIỆP					
LUA	Đất trồng lúa	DTT	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao		Quốc lộ và số đường
LUC	Đất chuyên trồng lúa nước	DSK	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác		Tỉnh lộ và tên đường
HNK	Đất trồng cây hàng năm khác	SKK	Đất khu công nghiệp		Hương Lộ
CLN	Đất trồng cây lâu năm	TMD	Đất thương mại, dịch vụ		Đường liên xã
RPH	Đất có rừng phòng hộ là rừng tự nhiên	SKC	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp		Sông, rạch
RPH	Đất có rừng phòng hộ là rừng trồng	SKX	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm		Kênh, mương
NTS	Đất nuôi trồng thủy sản	DGT	Đất giao thông		Đê và nửa theo tỷ lệ
	Đất làm muối	DTL	Đất thủy lợi		Trụ sở UBND tỉnh
NHK	Đất nông nghiệp khác	DDT	Đất có di tích lịch sử - văn hóa		Trụ sở UBND huyện, thị xã, thành phố
LUC (NTS)	Đất trồng lúa nước còn lại kết hợp Đất nuôi trồng thủy sản	DSH	Đất sinh hoạt cộng đồng		Trường học, nhà trẻ
II. ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP		DKV	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng		Trung tâm y tế, bệnh viện
ODT	Đất ở tại đô thị	DNL	Đất công trình năng lượng		Đài phát thanh, truyền hình
ONT	Đất ở tại nông thôn	DBV	Đất công trình bưu chính viễn thông		Nhà thờ
ODT+TSN	Đất ở tại đô thị và đất trồng cây lâu năm	DCH	Đất chợ		Chùa, đền
CLN+ODT	Đất trồng cây lâu năm và Đất ở tại đô thị	DRA	Đất bãi thải, xử lý chất thải		Cầu, cống
CNT+CLN	Đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm	TON	Đất cơ sở tôn giáo		
CLN+ONT	Đất trồng cây lâu năm và Đất ở tại nông thôn	TIN	Đất cơ sở tín ngưỡng		
ONT+HNK	Đất ở tại nông thôn và đất bằng trồng cây hàng năm khác	NTD	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng		
HNK+ONT	Đất bằng trồng cây hàng năm khác và Đất ở tại nông thôn	SON	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối		
NTS+ONT	Đất nuôi trồng thủy sản và Đất ở tại nông thôn				
TSC	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	**III. ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG**			
CQP	Đất quốc phòng	CSD	Đất chưa sử dụng		
CAN	Đất an ninh	**IV. ĐẤT CÓ MẶT NƯỚC VEN BIỂN**			
DTS	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	MVT	Đất mặt nước ven biển có mục đích khác		
DVH	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	**V.CÁC KÝ HIỆU KHÁC**			
DXH	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội		Địa giới tỉnh		
DYT	Đất xây dựng cơ sở y tế		Địa giới huyện		
DGD	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đạo tạo		Địa giới xã		

Tên quy hoạch: QUY HOẠCH TỈNH TRÀ VINH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN 2050

Tên sơ đồ, bản đồ:

BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH TRÀ VINH

Tỷ lệ 1:100.000

Kèm theo hồ sơ trình thẩm định, trình quyết định hoặc trình phê duyệt quy hoạch tại Tờ trình số.....Ngày..... tháng..... năm.....của.....; hoặc đã hoàn thiện theo văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch số:.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH TRÀ VINH	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH	ĐẠI DIỆN LIÊN DOANH TƯ VẤN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
Trà Vinh, ngày .... tháng .... năm 2023	*Trà Vinh, ngày .... tháng .... năm 2023*	*Trà Vinh, ngày .... tháng .... năm 2023*	*Hà Nội, ngày .... tháng .... năm 2023*

Hệ tọa độ: VN-2000

Nguồn tài liệu: Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2020 tỉnh Trà Vinh, Bản đồ kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025) tỉnh Trà Vinh, Tổng hợp tài liệu các Sở, ngành tỉnh Trà Vinh năm 2020

TỶ LỆ 1: 100 000

ĐƠN VỊ XÂY DỰNG

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Đại Nam